

Hội thảo: Thúc đẩy các sáng kiến bảo tồn thiên nhiên của cộng đồng góp phần gìn giữ sự đa dạng văn hóa và sinh thái ở Việt Nam

# Tổng quan về hiện trạng cộng đồng tham gia quản lý tài nguyên thiên nhiên

Trình bày: Đặng Xuân Trường & Hoàng Xuân Thủy, Trung tâm Con người và Thiên nhiên

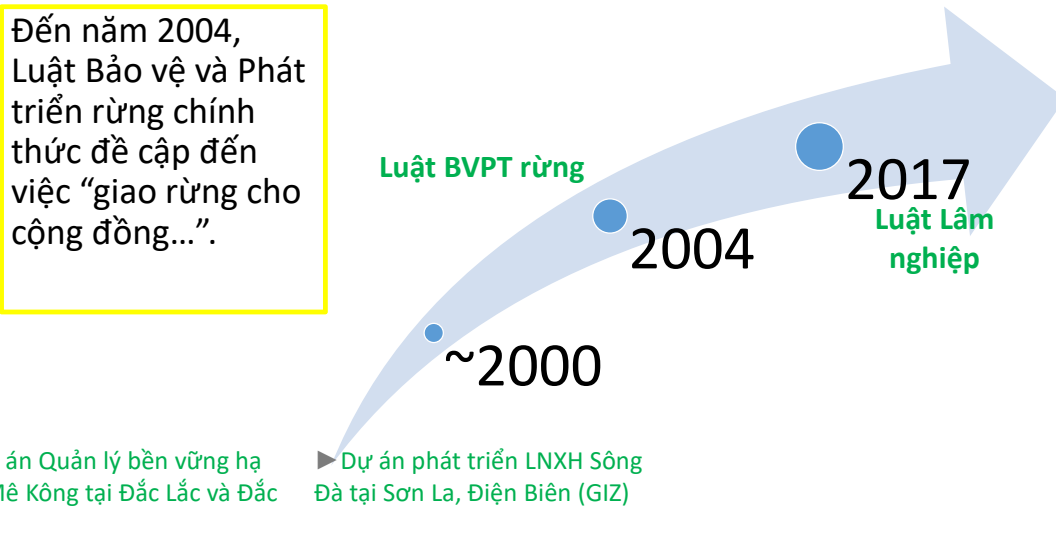
## Nội dung trình bày

- Nội dung và phương pháp nghiên cứu
- Hệ thống rừng cộng đồng tại Việt Nam
- Sự hình thành và các hình thức quản lý rừng của cộng đồng
- Vai trò của rừng trong văn hóa người dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương
- Rào cản, thách thức cho việc cộng đồng tham gia quản lý tài nguyên thiên nhiên

## Nội dung & phương pháp nghiên cứu

- **Thu thập tài liệu thứ cấp:** Số liệu giao, khoán bảo vệ rừng từ các hạt, chi cục kiểm lâm trên cả nước
- **Tham vấn các đơn vị liên quan** bao gồm các cơ quan quản lý về lâm nghiệp, văn hóa, dân tộc thiểu số, các tổ chức thực hiện các dự án tại địa bàn: 15 cuộc tham vấn cấp tỉnh đã được tiến hành với sự tham gia 105 đại diện các cơ quan cấp tỉnh
- **Tham vấn người có uy tín trong cộng đồng** về các vấn đề liên quan đến lịch sử và thiết chế cộng đồng, các đặc điểm và việc thực hành văn hóa ở địa phương, giá trị và mối liên hệ giữa cộng đồng và khu vực tài nguyên; mô hình tổ chức quản lý, bảo vệ tài nguyên: 20 cuộc tham vấn cộng đồng ở 15 tỉnh đã được tiến hành, 32 người có uy tín gồm già làng, thầy cúng, trưởng thôn/bản được tham vấn ý kiến.
- **Thảo luận nhóm cộng đồng** về các vấn đề liên quan đến hiểu biết, năng lực và sự tham gia trong quản lý tài nguyên thiên nhiên: 20 nhóm cộng đồng tham gia thảo luận trong đó có 18 nhóm dân tộc thiểu số với tổng số người tham gia 252, số người dtts là 220
- **Khảo sát nhanh mô hình** để mô tả những đặc điểm nổi bật về khu vực tài nguyên thiên nhiên do cộng đồng quản lý. **Đã tiến hành khảo sát 19 mô hình trong đó có 17 mô hình tài nguyên rừng, 1 mô hình tài nguyên mặt nước và 01 mô hình ven biển**

## Hệ thống rừng cộng đồng tại Việt Nam



## Diện tích rừng giao cho cộng đồng thôn bản

Năm	Diện tích rừng giao cho thôn bản (ha)	Nguồn số liệu
2001	1.197.961	Cục Kiểm lâm (*)
2015	1.110.408	Bộ NN&PTNT
2017	~ 1.288.654	PanNature (**)

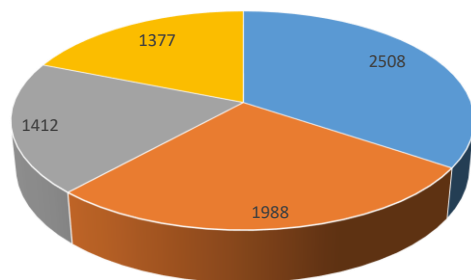
(\*): Thống kê trên 23 tỉnh của Cục Kiểm Lâm năm 2001

(\*\*): Thống kê tại 24 tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai, Bắc Kạn, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông và Kon Tum

## Diện tích rừng giao cho cộng đồng thôn bản

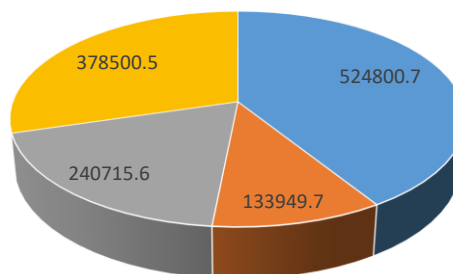
- Tổng là 7297 cộng đồng với diện tích gần 1.277.966 ha

Số lượng cộng đồng được giao quản lý



■ Sơn La ■ Cao Bằng ■ Hà Giang ■ Các tỉnh khác

Diện tích rừng cộng đồng được giao quản lý

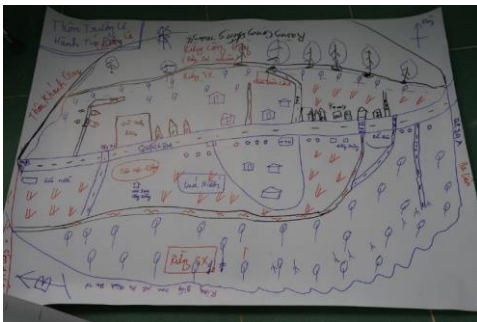


■ Sơn La ■ Cao Bằng ■ Hà Giang ■ Các tỉnh khác

# Sự hình thành các khu vực tài nguyên do cộng đồng quản lý

- Từ sự gắn kết giữa cộng đồng dân cư bản địa liên quan đến các giá trị văn hóa phi vật thể
- Từ nhận thức về vai trò tài nguyên thiên nhiên với cuộc sống

→ Từ các dự án “giao rừng”



Rừng truyền thống



Rừng dự án

## Đặc trưng của các khu rừng truyền thống ở Việt Nam

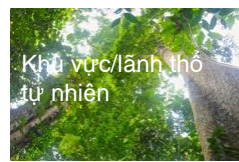
Các khu rừng truyền thống hay có thể gọi là Khu Bảo tồn do cộng đồng quản lý “là một hệ sinh thái tự nhiên hoặc đã bị thay đổi một phần, trong đó chứa đựng các giá trị về đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và văn hoá địa phương, được người bản địa và cộng đồng địa phương tự nguyện bảo tồn bằng luật tục hoặc bằng các giải pháp quản lý hiệu quả” (IUCN, 2004).

### 3 đặc trưng của “KBT do cộng đồng quản lý”:

Năng lực/quyền lực truyền thống để ra quyết định và thực hiện các quyết định đó



Mối quan hệ chặt chẽ: văn hoá, tín ngưỡng và sinh kế



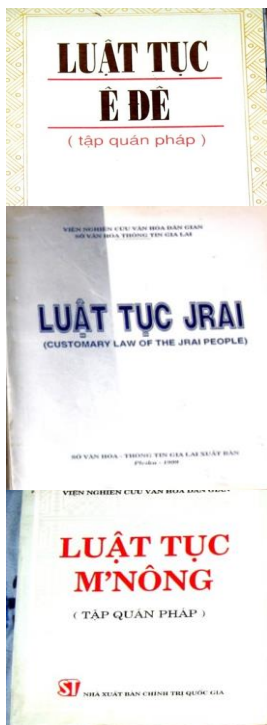
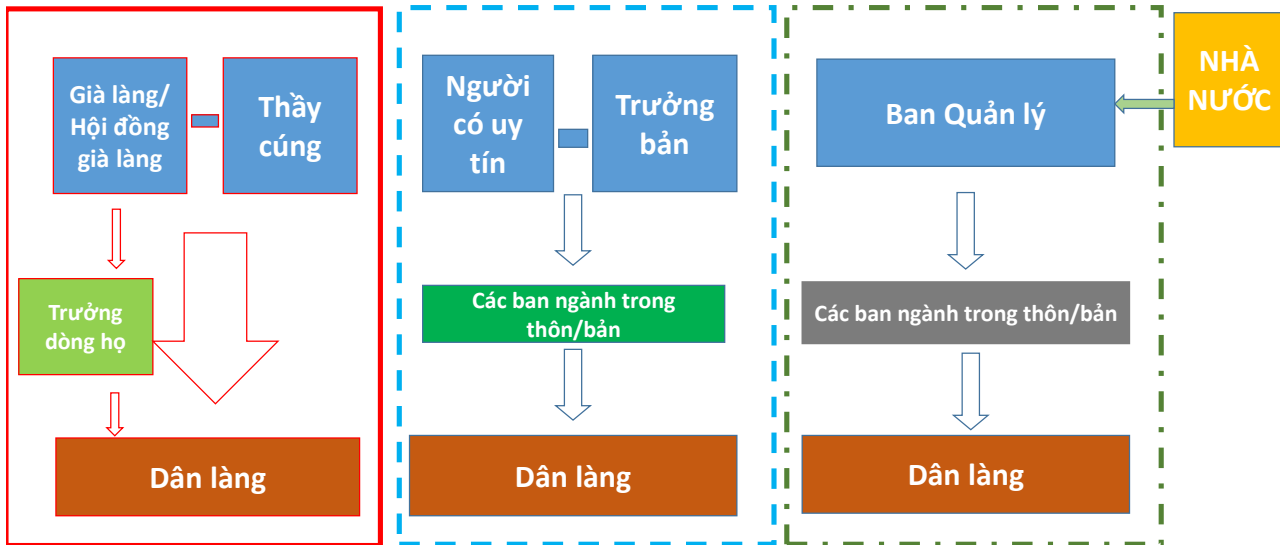
Quyết định và thực hành phục vụ cho bảo tồn thiên nhiên (bao gồm sử dụng bền vững, phục hồi, xu hướng tích cực)

2

1

3

## Mô hình quản trị rừng do cộng đồng quản lý



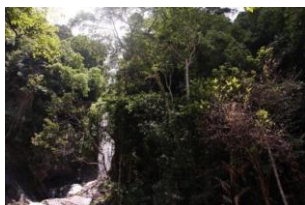
## Tuân thủ và tôn trọng luật tục, hương ước của cộng đồng

Nội dung	Nội dung quy định theo luật tục <sup>1</sup>	Quy định của Nhà nước
<b>Quyền sở hữu rừng, đất rừng</b>	- Là sở hữu chung của cộng đồng - Không được mua bán, chuyển nhượng - Xác định dựa vào cơ chế người khai phá/phát hiện đầu tiên, thừa kế	- Sở hữu toàn dân, nhà nước đại diện quản lý và giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân, bộ gia đình và cộng đồng - Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng
<b>Thiết lập ranh giới và quyền sở hữu</b>	Mốc giới tự nhiên (khe suối, đỉnh núi, dõn...) )	Mốc giới ban đỏ
<b>Phân loại rừng</b>	- Dựa vào mục đích sử dụng gắn liền với văn hoá, tín ngưỡng và sinh kế. - Rừng truyền thống gồm: Rừng thiêng, rừng ma, rừng bảo vệ nguồn nước, chắn gió, chắn sóng, chắn cát, rừng khai thác chung, rừng danh nhân, rừng bảo vệ loài động thực vật trong của địa phương, rừng sản xuất truyền thống (phục hồi sau nương rẫy trong luân kỳ du canh).	- Dựa vào chức năng bảo tồn, phòng hộ và kinh tế - Phân thành 3 loại rừng gồm: + Rừng đặc dụng: Bảo vệ mẫu hệ sinh thái, giá trị nguồn gen, lịch sử, văn hoá và tín ngưỡng + Rừng phòng hộ: bảo vệ thiên tai, bảo vệ dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hoá + Rừng sản xuất: Phục vụ sản xuất lâm nghiệp.
<b>Phòng chống cháy rừng</b>	- Không đốt lửa, mang theo vật cháy gây cháy rừng truyền thống; - Đốt nương làm rẫy phải phát bằng cần lửa, tuân theo hiệu lệnh của già làng;	- Cấm đốt lửa, bừa bãi, mang theo vật liệu nổ làm cháy rừng;
<b>Tiếp cận rừng</b>	Một số được phép, một số quy định dân làng chỉ được vào rừng một vài ngày nhất định trong năm (ngày cúng thần rừng, ngày mở cửa rừng...)	Không có quy định
<b>Chăn thả gia súc</b>	Không chăn thả gia súc trong rừng thiêng, rừng ma, rừng bảo vệ nguồn nước	Không chăn thả gia súc trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn.
<b>Lấy củi</b>	- Cấm khai thác trong rừng thiêng, rừng ma - Chỉ được lấy cành khô trong rừng bảo vệ nguồn nước, được khai thác sử dụng trong gia đình vào thời gian "mở cửa rừng".	- Tuỳ vào từng loại rừng, phân khu chức năng của rừng đặc dụng. - Tần thu, tần dụng trong phân khu hành chính rừng đặc dụng, trong rừng phòng hộ, rừng tín ngưỡng

<sup>1</sup> Tổng hợp theo Hoàng Văn Quỳnh (2015) và Lương Thị Hằng; Phan Trùng Giang; Trương Quang Hùng (2015).

Chăn thả gia súc	Không chăn thả gia súc trong rừng thiêng, rừng ma, rừng bảo vệ nguồn nước.	Không chăn thả gia súc trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn.
<b>Lấy củi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cấm khai thác trong rừng thiêng, rừng ma.</li> <li>Chỉ được lấy cành khô trong rừng bảo vệ nguồn nước, được khai thác sử dụng trong gia đình vào thời gian "mở cửa rừng".</li> </ul>	Tuỳ vào từng loại rừng. Đối với rừng đặc dụng, tùy thuộc vào phân khu chức năng.
<b>Khai thác lâm sản ngoài gỗ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ được lấy một số loài nhất định và phục vụ cho mục đích sử dụng trong gia đình, cộng đồng.</li> <li>Có quy định thời gian được khai thác (trong thời gian mở cửa rừng – giới hạn trong năm).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuỳ vào từng loại rừng. Đối với rừng đặc dụng, tùy thuộc vào phân khu chức năng.</li> <li>Quản lý theo quy chế quản lý loài quý hiếm (nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại các loài quý hiếm).</li> </ul>
<b>Khai thác gỗ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiêm cấm khai thác trong rừng thiêng, rừng bảo tồn loài và rừng đầu nguồn nước của cộng đồng.</li> <li>Đối với rừng đầu nguồn: muốn khai thác phải xin phép già làng và làm lễ cúng rừng.</li> <li>Đối với rừng khai thác chung chỉ được khai thác cho nhu cầu sử dụng trong cộng đồng khi được sự đồng thuận của cả thôn/bản thông qua cuộc họp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghiêm cấm khai thác chính trong rừng đặc dụng, được phép tận thu tận dụng.</li> <li>Quản lý theo quy chế quản lý loài quý hiếm (nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại các loài quý hiếm).</li> </ul>
<b>Săn bắt động vật rừng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không săn bắt trong rừng thiêng, rừng ma.</li> <li>Bảo vệ loài thú lớn (voi, tê giác, hổ báo, trâu rừng, bò rừng).</li> <li>Không khai thác thú dữ, không săn bắt vào mùa sinh sản.</li> <li>Rắn dây bằng truyền thuyết, sự tích liên quan đến tín ngưỡng.</li> </ul>	Quản lý theo quy chế quản lý loài quý hiếm (nghiêm cấm khai thác vì mục đích thương mại các loài quý hiếm).
<b>Hình thức và mức độ xử phạt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>"Thiêng hoá" rừng truyền thống, vi phạm luật tục là bất kính với các vị thần (thần núi, thần nước...) và bị xử phạt vật chất (thóc gạo, rượu, gia súc...) để cúng Giàng.</li> <li>Người vi phạm bị chỉ trích và phê bình trước cộng đồng và có thể mất</li> </ul>	Phạt cảnh cáo, phạt hành chính, truy tố tùy theo mức độ, thiết hại, loại hành vi.

- Phần lớn là thuộc đất rừng quy hoạch cho phòng hộ và đặc dụng



Rừng Anor (TT-Huế)



Rừng Trường Lệ (Đà Nẵng)



Rừng Phố Là (Hà Giang)



Rừng Miếu đá thần (Đắk Nông)



Rừng Ngân Pắc (Lạng Sơn)



Rừng Đâu Cờ (Đà Nẵng)



Rừng Bản Hóc (Nghệ An)



Pa Cốp (Sơn La)

- Rừng tự nhiên có chất lượng tốt gần như nguyên vẹn
- Diện tích từ 0,2 cho đến 600ha



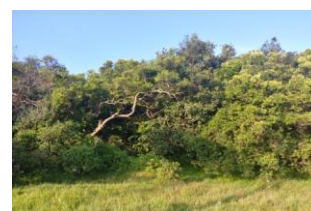
Rừng Cư H'lăm (Đắk Lắk)



Rừng thiêng bản Chũ Lìn (Lai Châu)



Rừng Săng lè (Nghệ An)



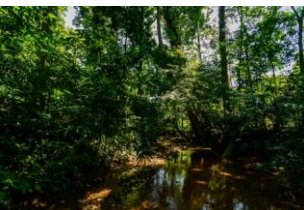
Rừng Trâm bầu (Quảng Bình)



Rừng Dền Sáng (Lào Cai)



Rừng Kéo Toong (Cao Bằng)



Rừng Mang Sông (Quảng Trị)



Rừng ma Ba Vinh (Quảng Ngãi)

## Vai trò của ICCAs trong cộng đồng

Nơi tôn nghiêm/ thờ cúng: Thờ thần rừng, thổ công

-Rừng bản Trung Trãi (Phố Là, Đồn Văn): Thờ thần rừng và người đã khuất, không ai được lấy đi bất kỳ thứ gì từ rừng...vì rừng là nơi an nghỉ của ông bà, thần rừng bảo vệ sức khỏe của người dân

- Rừng bản Kéo Toong (Lăng Yên, Trùng Khánh) – Rừng thiêng người Nùng gọi là Đông Sấn. Thờ thổ công bảo vệ cho dân làng – rừng là nơi ở của thổ công
- Rừng Chù Lìn ở Tam Đường là nơi thờ thần rừng của người Dao của địa phương, thần rừng giúp bảo vệ sức khỏe của người dân



## Vai trò của ICCAs trong cộng đồng

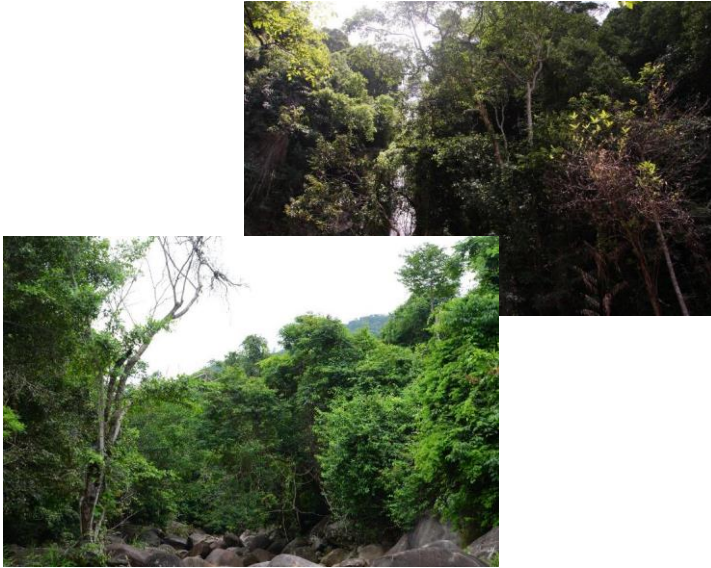
Nơi chôn cất, an táng người chết:

Những khu này thường có diện tích nhỏ 1-3 ha, được người dân địa phương dùng làm nơi tang người chết

Mã Năng/nang của người Hơ re (Ba Tơ, Quảng Ngãi) là nơi chôn cất người chết.



## Vai trò của ICCAs trong cộng đồng



### Bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái:

- Rừng Trâm Bầu chắn cát ở Quảng Xuân – Quảng Bình
- Rừng cộng đồng thôn Trường Lệ ở Hành Tín Đông (Quảng Ngãi)
- Rừng thôn Anor (Thừa Thiên Huế)

## Vai trò của ICCAs trong cộng đồng

- Bảo vệ/ Sử dụng bền vững cho các thể hệ sau
  - Rừng bản Hóc (Nghệ An): Dân làng chỉ cho người dân trong bản khai thác gỗ rừng để làm nhà, mỗi năm có 1 -2 hộ được lấy gỗ, các cây được khai thác được đánh dấu và chấp nhận của già làng/trưởng bản.
  - Rừng bảo vệ giá trị đa dạng sinh học (Rừng Săng lẻ, rừng lim Đá Húc)
- Rừng bảo vệ với mục đích thu lợi ích kinh tế (PFES)





## Thách thức đối với các khu rừng truyền thống

- ✎ *Sự thay đổi văn hoá, niềm tin và tín ngưỡng của cộng đồng:* Sự du nhập về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, tập quán canh tác... -> các quy tắc hành xử với tài nguyên thiên nhiên bị thay đổi.
- ✎ *Bối cảnh quản lý rừng thay đổi:* Cộng đồng không đủ năng lực và nguồn lực để điều chỉnh với các phương thức quản lý theo sự thay đổi, không dung hòa được với các giá trị văn hóa, tín ngưỡng.
- ✎ *Nhận thức về tầm quan trọng của rừng truyền thống với công chúng còn hạn chế:* Các khu rừng thường có diện tích nhỏ -> bị coi là không có giá trị bảo tồn
- ✎ *Chính sách nhà nước chưa thực sự coi trọng và thừa nhận luật tục đồng bào DTTS và cộng đồng địa phương:* Việc áp đặt mô thức quản lý/ hình thức quản trị đối với rừng truyền thống làm giảm tính hiệu quả của các thiết chế cộng đồng trong quản trị tài nguyên tại địa phương.
- ✎ *Các dự án phát triển.*
- ✎ *Kinh phí hoạt động (hết dự án, không có ngân sách, v.v)*

